**TRƯỜNG THPT LÊ HỒNG PHONG**

**NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 10**

**NĂM HỌC 2021-2022**

**PHẦN I : TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN : 7.0 ĐIỂM**

**THÔNG HIỂU**

**BÀI 31**

# Ý nào sau đây thể hiện giao thông vận tải là ngành kinh tế độc đáo vừa mang tính sản xuất vật chất, vừa mang tính dịch vụ?

A. vai trò của ngành giao thông vận tải.

B. đặc điểm của ngành giao thông vận tải.

C. điều kiện để phát triển giao thông vận tải.

D. trình độ phát triển giao thông vận tải.

# Nhân tố kinh tế - xã hội nào sau đây ít ảnh hưởng nhất đến sự phát triển và phân bố của ngành giao thông vận tải?

A. Sự phân bố dân cư và các loại hình quần cư.

B. Sự thay đổi cơ cấu thành phần kinh tế.

C. Sự phát triển, phân bố của ngành kinh tế quốc dân.

D. Việc phát triển công nghiệp của địa phương.

# Mạng lưới sông ngòi dày đặt ở Việt Nam có ảnh hưởng như thế nào đến ngành giao thông tải?

A. phát triển giao thông đường thủy.

B. phát triển giao thông đường sắt.

C. phát triển giao thông đường hàng không.

D. phát triển giao thông đường biển.

# Nhân tố ảnh hưởng đến loại hình vận tải và thiết kế công trình giao thông vận tảilà

A. đặc điểm dân cư.

B. điều kiện kinh tế.

C. điều kiện tự nhiên.

D. nguồn vốn đầu tư.

# Ý nào sau đây thể hiện ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

A. Là tiêu chí để đặt yêu cầu về tốc độ vận chuyển.

B. Quyết định sự phát triển mạng lưới giao thông vận tải.

C. Quy định mật độ, mạng lưới các tuyến đường giao thông.

D. Quy định sự có mặt và vai trò của một số loại hình vận tải.

# Đối với hoạt động sản xuất, ngành giao thông vận tải không có vai trò nào sau đây?

A. Vận chuyển sản phẩm đến thị trường tiêu thụ.

B. Cung ứng vật tư, nguyên, nhiên liệu cho sản xuất.

C. Giúp các hoạt động sinh hoạt người dân thuận tiện.

D. Giúp cho các quá trình sản xuất diễn ra bình thường.

**BÀI 32**

# Chất lượng sản phẩm của giao thông vận tải không được đo bằng

A. tốc độ chuyên chở.

B. sự tiện nghi cho khách.

C. sự chuyên chở người.

D. an toàn cho hàng hóa

# Loại hình vận tải đặc biệt nào được hình thành trong các thành phố lớn và chùm đô thị?

A. Giao thông vận tải thành phố.

B. Giao thông hành không.

C. Giao thông đường sắt.

D. Giao thông đường thủy.

# Cơ cấu dân số có trẻ em đông thì đặt ra yêu cầu phát triển ngành dịch vụ nào?

A. Các khu an dưỡng.

B. Các khu văn hóa.

C. Trường học, nhà trẻ.

D. Hoạt động đoàn thể.

# Ngành dịch vụ được mệnh danh “ngành công nghiệp không khói” là

A. Bảo hiểm, ngân hàng.

B. Thông tin lên lạc.

C. Hoạt động đoàn thể.

D. Du lịch.

# Vai trò nào sau đây không đúng với ngành dịch vụ?

A. Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động.

B. Thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất phát triển mạnh.

C. Trực tiếp sản xuất ra máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất.

D. Cho phép khai thác tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

# Yếu tố nào sau đây có vai trò quan trọng đối với sự hình thành các điểm du lịch?

A. Sự phân bố tài nguyên du lịch.

B. Sự phân bố các điểm dân cư.

C. Trình độ phát triển kinh tế.

D. Cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng.

# Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng gắn bó mật thiết với sự phân bố

A. công nghiệp.

B. nông nghiệp.

C. dân cư.

D. giao thông.

**BÀI 33**

# Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với.

A. các trung tâm công nghiệp.

B. các ngành kinh tế mũi nhọn.

C. Sự phân bố dân cư.

D. các vùng kinh tế trọng điểm.

# Lao động trong ngành dịch vụ ở các nước phát triển chiếm tỉ trọng cao do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

A. Năng suất lao động trong nông, công nghiệp cao.

B. Ngành dịch vụ có trình độ cao.

C. Trình độ phát triển kinh tế của đất nước.

D. Ngành dịch vụ cơ cấu đa dạng.

# Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho tỉ lệ lao động trong ngành dịch vụ ở các nước đang phát triển còn thấp là do

A. cơ cấu ngành đơn giản.

B. thiếu lao động có kĩ thuật.

C. phân bố các không đồng đều.

D. trình độ phát triển kinh tế thấp.

# Khi lựa chọn loại hình vận tải và thiết kế công trình giao thông vận tải, điều cần chú ý đầu tiên là

A. điều kiện tự nhiên.

B. dân cư.

C. nguồn vốn đầu tư.

D. điều kiện kĩ thuật.

# Số hành khách và số tấn hàng hóa được vận chuyển gọi là

A. khối lượng luân chuyển.

B. khối lượng vận chuyển.

C. cự li vận chuyển trung bình.

D. cự li và khối lượng vận chuyển.

# Nhân tố nào sau đây có vai trò quyết định ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải?

A. Kinh tế - xã hội.

B. Điều kiện tự nhiên.

C. Vị trí địa lý.

D. Tài nguyên thiên nhiên.

# Ngành đường sắt hiện nay đạt được tiến bộ chủ yếu là

A. tốc độ nhanh.

B. mạng lưới rộng.

C. an toàn.

D. giá thành hạ.

**BÀI 35**

# Nhật Bản là một quốc đảo nên loại hình giao thông vận tải nào sau đây thuận lợi phát triển?

A. Đường sắt.

B. Đường ôtô.

C. Đường biển.

D. Đường sông.

# Phần lớn các cảng biển đều nằm ở hai bờ đối diện Đại Tây Dương vì

A. có bờ biển khúc khuỷu dễ dàng xây dựng các cảng biển.

B. nối liền hai trung tâm kinh tế lớn Tây Âu và Nhật Bản.

C. nối liền hai trung tâm kinh tế lớn Bắc Mỹ và Tây Âu.

D. nối liền hai trung tâm kinh tế lớn Hoa Kì và Nhật Bản.

# Ngành vận tải nào sau đây gây ô nhiễm khí quyển ở tầng cao?

A. Đường ô tô.

B. Đường biển.

C. Đường hàng không.

D. Đường sắt.

# Ở nước ta vào mùa lũ, các ngành vận tải gặp nhiều trở ngại nhất là

A. đường ô tô, đường ống.

B. đường ô tô, đường sông.

C. đường sắt và đường sông.

D. đường ô tô và đường sắt.

# Địa hình nhiều đồi núi ở nước ta ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển ngành giao thông vận tải?

A. Chỉ phát triển loại hình giao thông vận tải đường bộ.

B. Khó khăn tới công tác thiết kế các loại hình giao thông.

C. Hạn chế thời gian hoạt động của ngành giao thông vận tải.

D. Khó khăn phát triển giao thông vận tải đường hàng không.

**BÀI 36**

# Khí hậu và thời tiết có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của ngành giao thông vận tải?

A. Công tác thiết kế các công trình vận tải.

B. Sự có mặt và vai trò của một số loại hình vận tải.

C. Hoạt động của các phương tiện vận tải.

D. Sự phân bố của các loại hình vận tải.

# Vận tải đường ống trên thế giới phát triển nhanh trong những năm gần đây do nguyên nhân nào sau đây?

A. Chính sách ưu tiên đầu tư cho giao thông vận tải.

B. Công nghiệp sản xuất thiết bị đường ống phát triển.

C. Sự phát triển mạnh của ngành công nghiệp dầu khí.

D. Nhu cầu xuất, nhập khẩu hàng hóa ngày càng tăng.

# Ở nước ta, những hệ thống sông nào sau đây có điều kiện phát triển mạnh giao thông vận tải đường thủy?

A. Hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình.

B. Hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thu Bồn.

C. Hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Đồng Nai.

D. Hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Cửu Long.

# Tiêu chí nào sau đây không dùng để đánh giá khối lượng dịch vụ của hoạt động vận tải?

A. Cự ly vận chuyển trung bình.

B. Khối lượng luân chuyển.

C. Cước phí vận chuyển.

D. Khối lượng vận chuyển.

# Hai ngành vận tải đường hàng không và đường biển hiện nay có chung đặc điểm

A. an toàn.

B. khối lượng vận chuyển lớn.

C. hiện đại.

D. phương tiện lưu thông quốc tế.

# Điều kiện tự nhiên của vùng đồng bằng sông Cửu Long thuận lợi cho loại hình giao thông vận tải nào sau đây phát triển?

A. Đường sắt.

B. Đường ôtô.

C. Đường biển.

D. Đường sông.

# Vì sao ngành hàng không có khối lượng vận chuyển hàng hóa nhỏ nhất?

A. Tốc độ còn chậm, thiếu an toàn.

B. Cước phí vận tải đắt, trọng tải thấp.

C. Không cơ động, chi phí đầu tư lớn.

D. Vận chuyển trên tuyến đường xa.

# Nguyên nhân chính khiến Nhật Bản có đội tàu buôn lớn nhất thế giới là

A. có nhiều hải cảng lớn.

B. Nhật bản có vị trí giáp biển và đại dương lớn.

C. Nhật Bản đang dẫn đầu thế giới về ngành công nghiệp đóng tàu.

D. Nhật Bản là một quần đảo, bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng vịnh.

**#** Nhận định nào sau đây **không** đúng khi trong một quốc gia có sự phát triển của ngành ngoại thương?

**A.** Góp phần làm tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

**B.** Gắn liền thị trường trong nước với thị trường thế giới rộng lớn.

**C.** Làm cho nền kinh tế đất nước trở thành một bộ phận của nền kinh tế thế giới.

**D.** Đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất và phân công lao động theo vùng và lãnh thổ.

**#** Nhận định nào sau đây **không** đúng khi nói về sự phát triển của ngành nội thương của một quốc gia?

**A.** Đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất.

**B.** Phân công lao động theo vùng và lãnh thổ.

**C.** Phục vụ tiêu dùng của từng cá nhân trong xã hội.

**D.** Góp phần làm tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

**#** Nhận định nào sau đây không đúng khi nói thông qua việc đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, nền kinh tế trong nước sẽ có động lực mạnh mẽ để phát triển?

**A.** Tăng hiệu quả kinh tế của nhiều ngành sản xuất.

**B.** Tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển.

**C.** Hoạt động xuất nhập khẩu sẽ tạo đầu ra cho sản phẩm.

**D.** Chỉ có lợi cho các nhà sản xuất, không có lợi cho người tiêu dùng.

**#** Hiện nay nhiều liên kết kinh tế trên thế giới xuất hiện, điều đó góp phần đẩy nhanh xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế - xã hội thế giới là do nguyên nhân nào sau đây?

**A.** Nhu cầu xuất khẩu lương thực, thực phẩm.

**B.** Nhu cầu về xuất khẩu hàng điện tử và tin học.

**C.** Nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng có công nghệ cao.

**D.** Nhu cầu mở rộng các mối liên hệ kinh tế trên thế giới.

**BÀI 37**

**#** Ý nào sau đây là vai trò của Tổ chức thương mại thế giới (WTO)?

**A.** Góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển quan hệ buôn bán trong các nước EU.

**B.** Góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển quan hệ buôn bán trên toàn thế giới.

**C.** Góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển quan hệ buôn bán giữa các nước phát triển.

**D.** Góp phần quan trọng thúc đẩy sự phát triển quan hệ buôn bán giữa các nước Đông nam Á.

**#** Trong thương mại, dịch vụ hoạt động nào sau đây đóng vai trì quan trọng?

**A.** Tiếp thị (ma-ket-tinh) và phân tích thị trường.

**B.** Quảng cáo trên hệ thống các đài truyền hình.

**C.** Mở rộng quy mô hoạt động của các doanh nghiệp.

**D.** Mở rộng thị trường xuất nhập khẩu.

**#** Theo quy luật cung - cầu, khi cung lớn hơn cầu thì hậu quả sẽ là

**A.** sản xuất và giá cả ổn định.

**B.** sản xuất phát triển, giá cả tăng.

**C.** sản xuất và giá cả sẽ giảm.

**D.** ngừng sản xuất trong một thời gian.

**#** Để kích thích mở rộng sản xuất mạnh trên thị trường, các nhà kinh doanh cần biết

**A.** giá trị hàng hoá giảm.

**B.** cung lớn hơn cầu.

**C.** cầu lớn hơn cung.

**D.** người bán gặp khó khăn.

**#** Nội dung nào sau đây **không** phải là hàng hoá?

**A.** Máy móc, thiết bị.

**B.** Quần áo, giày dép.

**C.** Lương thực, thực phẩm.

**D.** Sức lao động của con người.

**#** Nhập siêu là kết quả về cán cân thương mại của một nước ở vào tình trạng

**A.** thặng dư về mậu dịch.

**B.** thâm hụt về mậu dịch.

**C.** cân bằng về mậu dịch.

**D.** có ưu thế về thương mại.

**#** Điều nào sau đây nói lên động lực để phát triển nền kinh tế của một nước?

**A.** Sản xuất phát triển mạnh.

**B.** Giá cả hàng hoá tăng nhanh.

**C.** Hoạt động xuất nhập khẩu phát triển.

**D.** Cầu lớn hơn cung.

**#** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vai trò của nội thương?

**A.** Góp phần làm tăng thêm nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

**B.** Làm nhiệm vụ trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một nước.

**C.** Góp phần đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất theo vùng.

**D.** Phục vụ nhu cầu tiêu dùng của từng cá nhân trong xã hội.

**#** Phát biểu nào sau đây đúng với vai trò của thương mại?

**A.** Góp phần hướng dẫn tiêu dùng.

**B.** Tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

**C.** Gắn thị trường trong nước với thế giới.

**D.** Đấy mạnh trao đổi hàng hóa trong nước.

**#** Đặc điểm nào sau đây**đúng** với hoạt động của ngoại thương

**A.** tạo ra thị trường thống nhất trong nước.

**B.** gắn thị trường trong nước với thị trường quốc tế.

**C.** thúc đẩy phân công lao động theo lãnh thổ giữa các vùng.

**D.** phục vụ nhu cầu tiêu dùng của từng cá nhân trong xã hội.

**#** Ngành thương mại **không** có vai trò

**A.** điều tiết sản xuất, hướng dẫn tiêu dùng.

**B.** thúc đẩy sự phát triển của sản xuất hàng hóa.

**C.** tạo ra nguyên liệu, tư liệu, máy móc cho nhà sản xuất.

**D.** tạo ra thị yếu mới, nhu cầu mới cho người tiêu dùng.

**#** Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến việc đầu tư bổ sung lao động cho ngành dịch vụ?

**A.** Năng suất lao động xã hội.

**B.** Quy mô và cơ cấu dân số.

**C.** Mức sống và thu nhập thực tế.

**D.** Phân bố và mạng lưới dân

**MA TRẬN ĐỀ THI CUỐI HỌC KỲ 2 – MÔN: ĐỊA LÝ 10**

**NĂM HỌC 2021- 2022**

**I. Phần trắc nghiệm (7 điểm):** 28 câu.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài** | **Nội dung kiến thức** | **Số câu nhận biết** | **Số câu thông hiểu** | **Tổng câu** |
| Bài 31 | Vai trò, đặc điểm , các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp. | 04 | 03 | 07 |
| Bài 32 | Địa lí các ngành công nghiệp. | 02 | 02 | 04 |
| Bài 33 | Một số hình thức chủ yếu của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. | 02 | 01 | 03 |
| Bài 35 | Vai trò, các nhân tố ảnh hưởng và đặc điểm phân bố các ngành dịch vụ. | 03 | 01 | 06 |
| Bài 36 | Vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển và phân bố ngành GTVT. | 03 | 03 | 05 |
| Bài 37 | Địa lí các ngành GTVT. | 02 | 2 | 03 |
|  | **Tổng** | **16** | **12** | **28** |

**II. Phần tự luận (3 điểm):** Chọn 1 trong 5 đề trong ngân hàng đề